

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 160/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn và
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Quỳnh và bà Nguyễn Thị Tiếp

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích –
Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST ngày 09/9/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn Quý T, xã Cẩm Q, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn N sinh năm 1992

Trú tại: Thôn Phú Li, xã Cẩm G, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/07/2020 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn N kết hôn với nhau ngày 08/01/2015. Hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm G, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau đi làm ăn ở tỉnh Bình Dương được 04 năm. Đến năm 2019 về quê, sau đó lại đi làm ở Bắc Ninh. Đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh Ng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Trong làm ăn kinh tế bị thua lỗ, nợ nần dẫn đến hay cãi vã, xô

xát nhau. Vợ chồng chị có vay tiền của mẹ chị, vay anh trai và em gái của chị nhưng chưa trả được. Anh N có nói với gia đình chị không có lấy gì mà trả. Mâu thuẫn giữa chị và anh từ đó kéo dài không thể giải quyết được. Nay tình cảm không còn, chị không thể chung sống với anh N được nữa, đã ly thân từ tháng 2/2020 đến nay. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nghĩa.

Bị đơn anh Bùi Văn N trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Hnhur chị H trình bày ở trên là đúng thực tế. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi vào nam làm việc. Sau đó về nhà rồi lại đi làm ở Bắc Ninh, anh có phát hiện chị H nhắn tin qua lại với một người đàn ông khác, anh có hỏi chị H nhưng chị không trả lời dẫn đến va chạm, cãi vã. Còn về việc nợ nần như chị H trình bày là đúng nhưng anh không nói là không trả mà chưa có để trả lại cho bên nhà ngoại. Từ đó, tình cảm vợ chồng phai nhạt, xa cách anh có khuyên vợ bỏ qua mọi chuyện để làm lại từ đầu nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh không muốn ly hôn, muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng chăm sóc, nuôi dạy con cái. Nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn, anh đồng ý theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có một con chung cháu Bùi Thảo N – Sinh ngày 23/12/2015. Chị H và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh N.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thảo N sinh ngày 23/12/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Bùi Văn N trú tại: Thôn Phú L, xã Cẩm G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc chị H khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm G, huyện C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Trong làm ăn kinh tế bị thua lỗ, nợ nần dẫn đến hay cãi vã, xô xát nhau. Nay chị xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nhưng chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng phải chấp nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân nhau. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh N.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung: Bùi Thảo N sinh ngày 23/12/2015. Chị H và anh N đều có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Nguyện vọng nuôi con của chị và anh đều chính đáng. Nhưng xét về điều kiện, khả năng thực tế, thu nhập của chị H 10.000.000đ/tháng. Hiện nay con đang ở với chị H, không nên thay đổi tình trạng này. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho con nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: xử cho Chị H được ly hôn anh N.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung: Bùi Thảo N, sinh ngày 23/12/2015. Giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0003340, ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện C.
- UBND xã Cẩm G
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

